

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2022/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ...C.....
Ngày: 21/12/2022..

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 12 như sau:

“12. Thu tiền sử dụng đất khác (không thuộc những trường hợp quy định tại khoản 11 Điều này) thực hiện phân chia ngân sách như sau:

a) Huyện Nho Quan:

Thị trấn Nho Quan và các xã trên địa bàn huyện: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

b) Huyện Gia Viễn:

Các xã Gia Thanh, Gia Xuân, Gia Trăn, Gia Lập, Gia Vân, Gia Thịnh, Gia Vượng và thị trấn Me: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Liên Sơn, Gia Hòa, Gia Sinh, Gia Hưng, Gia Minh, Gia Lạc, Gia Phú, Gia Thắng, Gia Tân, Gia Tiến, Gia Phong, Gia Phương, Gia Trung: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 58%, ngân sách cấp xã 12%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

c) Huyện Hoa Lư:

Thị trấn Thiên Tôn và các xã trên địa bàn huyện: ngân sách cấp tỉnh 45%, ngân sách cấp huyện 50%, ngân sách cấp xã 5%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

d) Huyện Yên Khánh:

Các xã Khánh Vân, Khánh Hải, Khánh Nhạc và thị trấn Yên Ninh: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Khánh Hòa, Khánh Phú, Khánh An, Khánh Hội: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 58%, ngân sách cấp xã 12%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Khánh Tiên, Khánh Công: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 45%, ngân sách cấp xã 25%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được

hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Khánh Cường, Khánh Mậu, Khánh Thiện, Khánh Thành, Khánh Trung, Khánh Thủy, Khánh Lợi, Khánh Hồng, Khánh Cư: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 55%, ngân sách cấp xã 15%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

đ) Huyện Yên Mô:

Thị trấn Yên Thịnh: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 64%, ngân sách cấp xã 6%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Mai Sơn, Yên Lâm, Yên Từ, Yên Mạc: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 62%, ngân sách cấp xã 8%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Yên Đồng, Yên Thành, Khánh Thượng, Yên Thắng, Yên Hòa, Yên Thái, Khánh Thịnh, Khánh Dương, Yên Phong, Yên Mỹ, Yên Hưng, Yên Nhân: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 60%, ngân sách cấp xã 10%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

e) Huyện Kim Sơn:

Các xã Hối Ninh, Kim Hải, Kim Mỹ, Kim Tân, Kim Trung: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 34%, ngân sách cấp xã 36%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Hùng Tiến, Như Hòa, Quang Thiện, Đồng Hương, Kim Chính, Thượng Kiệm, Lưu Phương và thị trấn Phát Diệm, thị trấn Bình Minh: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 66%, ngân sách cấp xã 4%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

Các xã Xuân Chính, Chát Bình, Kim Định, Ân Hòa, Tân Thành, Yên Lộc, Lai Thành, Định Hóa, Văn Hải, Cồn Thoi, Kim Đông: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 61%, ngân sách cấp xã 9%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí

đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

g) Thành phố Tam Điệp:

Các xã, phường trên địa bàn thành phố: ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp huyện 65%, ngân sách cấp xã 5%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

h) Thành phố Ninh Bình:

Các xã, phường trên địa bàn thành phố: ngân sách cấp tỉnh 40%, ngân sách cấp huyện 57%, ngân sách cấp xã 3%, trong đó phần ngân sách cấp huyện được hưởng đã bao gồm chi phí về đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có);

i) Riêng đối với các khu đất trên địa bàn tỉnh thực hiện đấu giá, đấu thầu dự án lựa chọn chủ đầu tư có sử dụng đất và phân chia 100% số thu tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, thanh toán nợ xây dựng cơ bản và các nhiệm vụ khác theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn vị trí, xác định diện tích, chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Cấp lại số thu tiền sử dụng đất quy định tại điểm a, điểm e, điểm h khoản 12 Điều 12 của Quy định này cho các xã xây dựng nông thôn mới

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh cấp lại 100% số thu tiền sử dụng đất cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2021, tương ứng với số tiền thu từ giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện trên địa bàn các xã đã phân chia ngân sách cấp tỉnh.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Cấp lại số thu tiền sử dụng đất quy định tại khoản 12 Điều 12 của Quy định này cho các huyện, thành phố

1. Cấp lại số thu tiền sử dụng đất quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 12 Điều 12 của Quy định này cho các huyện, thành phố: Đối với các khu đất đấu giá thực hiện cơ chế đặc thù trên địa bàn các huyện, thành phố theo Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh cấp lại số thu tiền sử dụng đất cho các huyện, thành phố, tương ứng với số thu tiền sử dụng đất đã phân chia ngân sách cấp tỉnh, số cấp lại tối đa bằng tổng mức đầu tư của các

công trình, dự án theo Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trừ đi số thu tiền sử dụng đất các khu đất đặc thù đã phân chia ngân sách cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất quy định tại điểm i khoản 12 Điều 12 của Quy định này cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để thực hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan theo quy định (nếu có)."

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.



CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND

Bùi Hoàng Hà